

ÔN TẬP TRẮC NGHIỆM

1.

Thế nào là ứng dụng thương mại điện tử

- A. Là loại hình mua bán hàng hóa thông thường
- *B. Là một loại ứng dụng Web**
- C. Là giao dịch tiền tệ
- D. Là loại hình trao đổi thư điện tử

2.

Trình soạn thảo có thể tạo trang web dạng HTML?

- A. Notepad, Wordpad, dev C, Adobe Dreamweaver
- B. Adobe Dreamweaver, Turbo C, Notepad, Sublime Text
- C. Notepad, Wordpad, Netbean, Visual Studio Code
- *D. Notepad, Wordpad, Visual Studio Code, Sublime Text**

3.

Ai (tổ chức nào) tạo ra Web standards?

- *A. The World Wide Web Consortium**
- B. Microsoft
- C. Netscape
- D. Tất cả đều sai

4.

Phát biểu nào sau đây là đúng

- A. Web tĩnh là trang web không có hình động
- *B. HTML là ngôn ngữ định dạng siêu văn bản**
- C. Web động là trang web có hình động
- D. Tất cả đều sai

5.

Đặc trưng của thương mại điện tử?

- A. Không tiếp xúc, có sự tham gia ít nhất 2 chủ thể, không giới hạn phạm vi.
- B. Không giới hạn biên giới, tiếp xúc trực tiếp
- *C. Không tiếp xúc trực tiếp, không giới hạn phạm vi, có sự tham gia ít nhất 3 chủ thể ...**
- D. Không cần kho lưu trữ, thông tin chính là thị trường

6.

Đâu là tag tạo ra tiêu đề web kích cỡ lớn nhất.

- A. heading
- *B. h1**
- C. h6
- D. head

7.

Tag nào tạo ra 1 text input field?

- A. textfield
- B. textinput type="text"
- *C. input type="text"**
- D. input type="textfield"

8.

CSS là viết tắt của?

- A. Creative Style Sheets
- B. Computer Style Sheets
- *C. Cascading Style Sheets**

D. Colorful Style Sheets

9.

Tag nào định nghĩa CSS ở ngay trong file HTML?

- A. css
- B. script
- *C. style**
- D. stype

10.

Dòng nào tuân theo đúng cú pháp của CSS?

- *A. body {color: black}**
- B. {body;color:black}
- C. body:color=black
- D. {body:color=black(body)}

11.

JavaScript là ngôn ngữ xử lý ở:

- A. Client
- B. Server
- *C. Server/client**
- D. Không có dạng nào.

12.

Javascript là ngôn ngữ thông dịch hay biên dịch

- *A. Thông dịch**
- B. Biên dịch
- C. Thông dịch và Biên dịch
- D. Không có dạng nào ở trên

13.

Phương thức viết chương trình của Javascript như thế nào?

- A. Viết riêng một trang
- B. Viết chung với HTML
- *C. Cả hai dạng**
- D. Không có dạng nào.

14.

Common Language Runtime cung cấp những tính năng nào?

- A. Quản lý bộ nhớ tự động, tương thích ngôn ngữ.
- *B. Quản lý bộ nhớ tự động, tương thích ngôn ngữ, nền tảng độc lập, quản lý an ninh, cung cấp kiểu an toàn.**
- C. Quản lý an ninh, cung cấp kiểu an toàn.
- D. Quản lý bộ nhớ tự động, nền tảng độc lập, quản lý an ninh, cung cấp kiểu an toàn.

15.

LinQ là tính năng xuất hiện từ phiên bản nào?

- A. .NET Framework 3.0
- *B. .NET Framework 3.5**
- C. .NET Framework 4.0
- D. .NET Framework 4.5

16.

NET Framework có các thành phần nào sau đây?

- A. Common Language Runtime
- B. NET Framework Base Classes
- C. Giao diện người dùng
- *D. Tất cả đều đúng**

17.

Phát biểu nào sau đây là đúng

- A. Tất cả các kiểu dữ liệu xây dựng sẵn là kiểu dữ liệu giá trị ngoại trừ các đối tượng và chuỗi?
- B. Tất cả các kiểu do người dùng định nghĩa ngoại trừ kiểu cấu trúc đều là kiểu dữ liệu tham chiếu
- C. Tất cả sai
- *D. Tất cả đúng**

18.

Phát biểu nào sau đây là sai?

- A. Một lớp con chỉ có thể kế thừa từ 1 lớp cha
- B. Một lớp con có thể kế thừa từ nhiều Interface
- *C. Một lớp con có thể kế thừa từ nhiều lớp cha**
- D. Interface có thể kế thừa từ nhiều Interface

19.

Phạm vi truy cập mặc định của lớp khi chúng ta không khai báo là gì?

- A. Public
- B. Private
- *C. Internal**
- D. Không có phạm vi truy cập

20.

Phát biểu nào sau đây sai?

- A. AbstractClass là lựa chọn thích hợp khi vừa khai báo các phương thức thông thường vừa khai báo các phương thức trừu tượng
- B. Interface thích hợp cho việc khai báo duy nhất các phương thức trừu tượng
- *C. Có thể khởi tạo đối tượng từ AbstractClass và Interface**
- D. AbstractClass và Interface đều khai báo các phương thức nhưng không sử dụng chúng

21.

Để class sử dụng interface nó phải:

- A. Kế thừa các đặc tính của interface
- B. Chứa các phương thức giống như interface
- C. Tạo một interface object
- *D. Tất cả các đáp án này**

22.

Mọi class đều trực tiếp hoặc gián tiếp mở rộng lớp nào sau đây:

- A. System
- *B. Object**
- C. Drawing
- D. Console

23.

Một lớp trừu tượng...

- A. Có thể chứa các biến instance
- *B. Có thể chứa constructor**
- C. Có thể mở rộng class khác
- D. Tất cả các đáp án này.

24.

Khai báo một mảng như sau: `int[,] numbers = new int[3, 2] { { 1, 2 }, { 3, 4 }, { 5, 6 } }`. câu lệnh: `numbers.Length` cho kết quả là

- A. 2
- B. 3
- C. 5
- *D. 6

25.

Một khối ... kèm theo code có thể throw một ngoại lệ.

- *A. Try
- B. Catch
- C. Exception
- D. Try và Catch

26.

Trong .NET Framework, một Web page thuộc không gian tên nào dưới đây?

- *A. System.Web.UI.Page
- B. System.Windows.Page
- C. System.Web.Page
- D. Tất cả đều sai

27.

Khi chọn dịch vụ Web Hosting cần lưu ý đến các tính năng mà nhà cung cấp đưa ra

- A. Dung lượng đĩa cứng, Băng thông, UpTime.
- B. Các ngôn ngữ lập trình, Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu hỗ trợ.
- C. Hồ kỹ thuật.
- *D. Tất cả đều đúng.

28.

Trang Web động có phần mở rộng tùy theo ngôn ngữ kịch bản phía trình chủ cụ thể nếu là trang ASP.Net thì sẽ có phần mở rộng là:

- *A. .aspx
- B. .asp
- C. .php
- D. Tất cả đều sai

29.

Ứng dụng web

- A. Chỉ chạy trên một máy đơn
- *B. Có kiến trúc Client/Server
- C. Là tất cả ứng dụng có sử dụng Internet
- D. Tất cả đều sai

30.

isPostBack có cho Form nào dưới đây

- A. Winforms
- B. HTMLForms
- *C. Webforms
- D. Tất cả đều đúng

31.

Tập tin code behide của trang ASP.Net có phần mở rộng tùy theo ngôn ngữ kịch bản phía trình chủ cụ thể nếu sử dụng ngôn ngữ lập trình C# thì sẽ có phần mở rộng là:

- A. .c#
- B .ascx
- *C. cs
- D. aspx

32.

NET Framework. Cung cấp một môi trường runtime được gọi là ?

A. RMT

*B. CLR

C. RCT

D. RC

33.

ASP.Net là

A. Ngôn ngữ lập trình

*B. Kỹ thuật lập trình phía server

C. Kỹ thuật lập trình phía client

D. Ngôn ngữ lập trình cơ sở dữ liệu tương tự như SQL

34.

Phương thức di chuyển nào sau đây cho phép giữ lại thông tin từ webform xuất phát

a. Respose.Redirect

b. Server.Transfer

c. Server.Excute

*d. Tất cả phương thức này

35.

Ứng dụng web không sử dụng các control nào

a. HTML controls

*b. Windows controls

c. User controls

d. Custom controls

36.

Control kiểm lỗi nào không có trong ASP.Net

*a. RequiredValidation

b. CompareValidation

c. RangeValidation

d. CustomValidation

37.

Control dùng để hiển thị và cập nhật dữ liệu kiểu ngày tên là:

A. DateTimePicker

*B. Calendar

C. DateTime

D. Tất cả đều đúng

38.

Tệp Web User control có đuôi gì?

A. .asmx

*B. .ascx

C. .aspx

D. .uct

39.

Phương thức nào sau đây của đối tượng command không thể làm thay đổi dữ liệu:

A. ExecuteNonQuery

B. ExecuteScalar

*C. ExecuteReader

D. ExecuteReadOnly

40.

Trong ADO.NET, không gian tên System.Data không chứa lớp:

a. DataTable

b. DataRelation

c. DataSet

*d. Tất cả các câu trên đều đúng

41.

Để thực thi giá trị đơn, ta dùng phương thức nào sau đây của đối tượng command:

a. ExecuteReader()

*b. ExecuteScalar()

c. ExecuteXmlReader()

d. ExecuteNonQuery()

42.

Một điều khiển DataAdapter dùng phương thức nào dưới đây để nạp một DataSet

*a. Fill ()

b. ExecuteQuery ()

c. Read ()

d. Tất cả đều đúng

43.

Trong một ứng dụng ASP.Net, khi dùng đối tượng SqlCommand để gọi stored procedure lấy ra danh sách các khách hàng có những đơn hàng trị giá trên 50 triệu từ CSDL trong MS SQL Server, chúng ta gọi phương thức:

*a. ExecuteReader.

b. ExecuteNonQuery.

c. ExecuteMyReader.

d. ExecuteScalar.

44.

Trong một trang ASP.Net có đoạn code cần tính tổng số tiền nợ của khách hàng từ CSDL với đối tượng SqlCommand. Ta phải dùng phương thức nào để truy vấn CSDL có kết quả đúng và tốt nhất.

a. Read.

b. ExecuteNonQuery

*c. ExecuteScalar

d. ExecuteReader

45.

Chúng ta sử dụng giao dịch khi :

a. Lập trình các ứng dụng thương mại điện tử

b. Lập trình các ứng dụng cơ sở dữ liệu phức tạp

c. Thực hiện nhiều lệnh cơ sở dữ liệu như một lệnh

*d. Tất cả đều đúng

46.

Lệnh dùng để hoàn tất một giao dịch là :

a. Finish

*b. Commit

c. Rollback

d. Update

47.

Các đối tượng ngoại lệ được bắt nguồn từ class?

A. Try

B. Catch

*C. Exception

D. Event

48.

ViewState dùng để.

A. Lưu thông tin của một biến cố nào đó trong trang web ở dạng ẩn và được mã hóa.

B. Không được dùng để lưu thông tin cho biến mà được dùng cho mục đích khác

*C. Lưu thông tin của một trang web ở dạng ẩn và được mã hóa

D. Lưu thông tin của một trang web ở dạng ẩn và không được mã hóa

49.

Giả sử ta có lớp SinhVien(), cú pháp tạo đối tượng sinh viên (sv) nào sau đây là đúng?

A. SinhVien() sv = new SinhVien;

*B. SinhVien sv = new SinhVien();

C. SinhVien() new sv = SinhVien;

D. SinhVien new sv = SinhVien();

50.

Thành phần nào không phải là thuộc tính của đối tượng Data Adapter :

*a. SqlCommand

b. DeleteCommand

c. UpdateCommand

d. InsertCommand

